

Số: **374** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2025

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI
16 HỒ SƠ KHU PHỨC HỢP THE MANOR 2, SỐ 89 NGUYỄN HỮU
CẢNH, PHƯỜNG THANH MỸ TÂY, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Thuê cơ sở 14 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI (theo danh sách đính kèm 16 hồ sơ) 1.1. Mã hồ sơ: Biên nhận số 769-784. 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 22/7/2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 16 hồ sơ) 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ:..... 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất: 3.1.1. Thửa đất số: 45; Tờ bản đồ số: 45; 3.1.2. Địa chỉ tại: Chung cư The Manor 2, số 89 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh (nay là phường Thanh Mỹ Tây), Tp.HCM; Vị trí thửa đất: Vị trí 1; đường Nguyễn Hữu Cảnh/trộn đường; theo bảng giá đất tại Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 3.1.3. Giá đất: - Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m ² . - Giá đất cụ thể:.....m ² . - Giá trúng đấu giá:.....m ² . - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:..... 3.1.4 Diện tích thửa đất: 5.532,6 m ² - Diện tích sử dụng chung: 5.532,6 m ² - Diện tích sử dụng riêng:m ² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m ² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m ² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m ²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị Đất ở tại đô thị (khu phức hợp chung cư, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại). 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00544/3a ngày 02/02/2009 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 16 hồ sơ) 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ; 3.2.2. Diện tích sử dụng: m²; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²; 3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung; 3.2.5. Số tầng: 30 + 03 hầm + tầng kỹ thuật áp mái; 3.2.6. Nguồn gốc: -/- 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2016; 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm. Kết cấu: Tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm: - Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận; - Biên bản bàn giao căn hộ; - Hợp đồng mua bán căn hộ, Phụ lục Hợp đồng, Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán (nếu có); - Bản vẽ sơ đồ công trình xây dựng (Officetel). <i>Ghi chú: Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco – Chi nhánh TPHCM và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 9 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.</i>

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
 - Trung tâm CNTT (để đăng tin);
 - Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco – Chi nhánh TPHCM;
 - Người mua nhà theo danh sách;
 - Lưu: VT, ĐK.Đ.
- BN:769/25(16hs)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Phương

DANH SÁCH **SỔ HỘ SỞ ĐỀ** NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TẠI DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP THE MANOR (GIAI ĐOẠN 2),

SỐ 89 ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ TÂY, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đính kèm Phiếu chuyển số:/PCTT-VPĐK-ĐK ngày 12/03/2025 của Văn phòng ĐKĐĐT

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT) (đ)	Ngày ký Hợp đồng	Hình thức sở hữu
1	792695612025000769	Ông: LƯU HUY QUỐC Năm sinh: 1981; CCCD số: 049081011442 Bà: VÕ THỊ THẢO Năm sinh: 1984; CCCD số: 058184004322	G-205	Căn hộ - Văn phòng số 3.05, Tầng 3, Lô G	30.6	33.0	853,170,407	25/11/2009	Sở hữu chung
2	792695612025000770	Bà: NGUYỄN THỊ BẢNG TUYÊN Năm sinh: 1989; CCCD số: 086189005986	G-212	Căn hộ - Văn phòng số 3.12, Tầng 3, Lô G	32.7	35.3	916,983,303	19/10/2005	Sở hữu riêng
3	792695612025000771	Ông: HOÀNG HOÀI SON Năm sinh: 1965; CCCD số: 001065009854 Bà: PHẠM THỊ HẢI YẾN Năm sinh: 1969; CCCD số: 001169020000	G-302	Căn hộ - Văn phòng số 4.02, Tầng 4, Lô G	30.6	33.0	673,804,900	25/05/2005	Sở hữu chung
4	792695612025000772	Bà: NGUYỄN THỊ YẾN Năm sinh: 1962; CCCD số: 079162029279	G-304	Căn hộ - Văn phòng số 4.04, Tầng 4, Lô G	27.1	31.7	776,627,498	18/01/2008	Sở hữu riêng
5	792695612025000773	Ông: TRẦN ĐỨC HIẾU Năm sinh: 1977; CCCD số: 001077014004 Bà: TRẦN THANH LAN Năm sinh: 1984; CCCD số: 079184017857	G-305	Căn hộ - Văn phòng số 4.05, Tầng 4, Lô G	30.6	33.0	826,135,189	18/01/2008	Sở hữu chung
6	792695612025000774	Ông: NGUYỄN VĂN HẢO Năm sinh: 1965; CCCD số: 080065000547 Bà: HỒ NGỌC LỆ Năm sinh: 1966; CCCD số: 079166005605	G-306	Căn hộ - Văn phòng số 4.06, Tầng 4, Lô G	30.6	33.0	837,621,215	06/05/2006	Sở hữu chung
7	792695612025000775	Bà: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN Năm sinh: 1979; CCCD số: 049179013613	G-501	Căn hộ - Văn phòng số 6.01, Tầng 6, Lô G	44.2	47.4	1,045,375,840	30/03/2010	Sở hữu riêng

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT) (đ)	Ngày ký Hợp đồng	Hình thức sở hữu
8	792695612025000776	Ông: VŨ HOÀNG ANH Năm sinh: 1949; CCCD số: 036049002716 Bà: NGUYỄN THỊ THANH MAI Năm sinh: 1949; CCCD số: 001149007696	G-504	Căn hộ - Văn phòng số 6,04, Tầng 6, Lô G	27.1	31.7	712,088,200	18/08/2009	Sở hữu chung
9	792695612025000777	Bà: TRẦN THỊ BÍCH LOAN Năm sinh: 1978; CCCD số: 079178004933	G-505	Căn hộ - Văn phòng số 6,05, Tầng 6, Lô G	30.6	33.0	790,256,061	24/01/2008	Sở hữu riêng
10	792695612025000778	Bà: LÊ KHÁNH AN Năm sinh: 1984; CCCD số: 080184013670	G-508	Căn hộ - Văn phòng số 6,08, Tầng 6, Lô G	32.7	35.3	870,733,976	18/10/2005	Sở hữu riêng
11	792695612025000779	Ông: PHẠM VĂN NAM Năm sinh: 1955; CCCD số: 034055017611 Bà: NGUYỄN LAN HOA Năm sinh: 1962; CCCD số: 001162030849	G-509	Căn hộ - Văn phòng số 6,09, Tầng 6, Lô G	32.7	35.3	827,200,000	16/10/2017	Sở hữu chung
12	792695612025000780	Bà: HUỖNH MỸ HƯƠNG Năm sinh: 1979; CCCD số: 079179012908	G-711	Căn hộ - Văn phòng số 8,11, Tầng 8, Lô G	32.7	35.3	849,421,572	05/04/2010	Sở hữu riêng
13	792695612025000781	Bà: TRẦN HỒNG OANH Năm sinh: 1976; CCCD số: 031176010085	G-712	Căn hộ - Văn phòng số 8,12, Tầng 8, Lô G	32.7	35.3	933,020,900	29/01/2008	Sở hữu riêng
14	792695612025000782	Ông: NGUYỄN THÀNH DANH Năm sinh: 1966; CCCD số: 077066000503 Bà: PHẠM XUÂN ANH TRANG Năm sinh: 1968; CCCD số: 079168007731	G-803	Căn hộ - Văn phòng số 9,03, Tầng 9, Lô G	27.1	31.7	746,091,800	05/05/2007	Sở hữu chung
15	792695612025000783	Bà: LA MỸ NHAN Năm sinh: 1939; CCCD số: 030139000519	G-808	Căn hộ - Văn phòng số 9,08, Tầng 9, Lô G	32.7	35.3	1,018,767,000	02/02/2007	Sở hữu riêng
16	792695612025000784	Bà: NGUYỄN THỊ KIM LIÊN Năm sinh: 1944; CCCD số: 046144000124	G-817	Căn hộ - Văn phòng số 9,16, Tầng 9, Lô G	25.6	28.6	746,040,800	19/09/2008	Sở hữu riêng

Yêu cầu